

KẾ HOẠCH

**triển khai thực hiện Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026
của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm
trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế**

Thực hiện Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế (*sau đây gọi tắt là Kết luận số 107-KL/TW*); Kết luận số 76-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Thông báo số 269-TB/BTCTW, ngày 13/10/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về kết luận của đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 11/10/2026; Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW, ngày 19/10/2026 và Kế hoạch số 70-KH/BTCTW, ngày 20/10/2026 của Ban Tổ chức Trung ương; tiếp thu chỉ đạo của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương tại Hội nghị quán triệt, tập huấn toàn quốc ngày 22/10/2026; trên cơ sở tham mưu, đề xuất của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại Công văn số 1995-CV/BTCTU, ngày 23/10/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc, triển khai đầy đủ, kịp thời Kết luận số 107-KL/TW; chuyển mạnh từ quản lý theo danh mục vị trí, số người, chỉ tiêu biên chế sang quản lý theo nhiệm vụ, công việc, sản phẩm, kết quả và trách nhiệm; gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 76-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và yêu cầu vận hành mô hình tổ chức mới, chính quyền địa phương 02 cấp.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị của tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy sau sắp xếp; xác định nhu cầu nhân lực có căn cứ, kiểm chứng được; xây dựng phương án biên chế từng năm giai đoạn 2027 - 2031; hoàn thành cơ sở dữ liệu vị trí việc làm của tỉnh trong năm 2026.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm được sử dụng làm căn cứ xuyên suốt cho tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sàng lọc, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ theo sản phẩm, chất lượng, hiệu quả công việc; gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ; từng bước đổi mới chính

sách đãi ngộ, tiền lương theo vị trí việc làm, khắc phục triệt để tư tưởng bình quân, cào bằng, coi trọng ngạch, bậc, thâm niên hơn hiệu quả công việc thực tế.

2. Yêu cầu

- Xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách của quý IV/2026; cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện về tính trung thực, chính xác, đầy đủ, chất lượng của dữ liệu và kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị.

- Thống nhất nhận thức, khắc phục ba hạn chế Trung ương đã chỉ ra: phương pháp và năng lực triển khai chưa đồng đều; chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền giữa các cơ quan, các cấp còn giao thoa; tư duy giữ nguyên biên chế hiện có.

- Thực hiện thống nhất quy trình 08 bước, bộ 09 biểu nghiệp vụ theo Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW đối với 04 khối (Đảng; Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội) ở cấp tỉnh và cấp xã; toàn tỉnh dùng một bộ biểu, một bộ mã, một bộ số liệu; không làm phát sinh thủ tục, hồ sơ song song.

- Thực hiện đồng bộ với sơ kết 01 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp; đánh giá tác động sau sắp xếp theo từng vị trí việc làm, không chỉ dựa vào số biên chế đã giảm.

- Lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ; phát huy dân chủ, công khai, lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; bảo đảm đúng tiến độ, thực chất, khách quan, trung thực; tuyệt đối không làm hình thức, không hợp thức hóa hiện trạng, không kê khai để tăng biên chế.

- Kết quả thực hiện là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ quý IV và cả năm 2026 của tập thể, cá nhân liên quan, được đưa vào danh mục sản phẩm, công việc quý IV/2026.

3. Sản phẩm phải hoàn thành trong năm 2026

- Danh mục vị trí việc làm toàn tỉnh được rà soát, chuẩn hóa, gắn với nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và yêu cầu năng lực thực tế (xác định rõ vị trí giữ nguyên, vị trí điều chỉnh, vị trí tích hợp, vị trí đề xuất mới hoặc vị trí bãi bỏ).

- Cơ sở dữ liệu vị trí việc làm của tỉnh có nguồn, mã tham chiếu, trạng thái kiểm chứng, người xác nhận.

- Báo cáo xác định nhu cầu nhân lực và Phương án giao biên chế từng năm giai đoạn 2027 - 2031 của tỉnh, kèm theo bản giải trình khoa học, chặt chẽ, có cơ sở kiểm chứng.

- Danh mục bất cập (nhiệm vụ giao thoa, chồng chéo; thủ tục hành chính bất hợp lý; dữ liệu chưa liên thông; văn bản quy phạm và hướng dẫn cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) kèm đề xuất xử lý, cơ quan chịu trách nhiệm và thời hạn hoàn thành.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Xác định vị trí việc làm từ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, không từ thực trạng hiện có

Vị trí việc làm xác định xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, công việc ổn định, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm và năng lực cần có; tuyệt đối không xuất phát từ số người hiện có, chức danh, ngạch, bậc, mức lương hiện hưởng hoặc số biên chế đã được giao trước đây. Mỗi vị trí việc làm gắn với một nhóm công việc tương đối ổn định, có sản phẩm và trách nhiệm rõ ràng; không hình thành vị trí việc làm riêng lẻ chỉ do công đoạn phối hợp, nhiệm vụ đột xuất hoặc sự khác biệt về ngạch, bậc cá nhân; tích hợp những vị trí có tính chất tương đồng và thực hiện cơ chế sử dụng chung nhân lực khi phù hợp. Một vị trí việc làm không đồng nghĩa với một cá nhân hoặc một chỉ tiêu biên chế; phân định rõ ba cấp độ: xác định vị trí việc làm, xác định nhu cầu nhân lực và quyết định giao biên chế.

2. Kế thừa hồ sơ, dữ liệu đã có, không xây dựng lại từ đầu

Kế thừa tối đa danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực đã được phê duyệt và dữ liệu đã được xác nhận, báo cáo Trung ương theo các Công văn số 1972-CV/BTCTW, 2209-CV/BTCTW, 2342-CV/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương; các cơ quan, đơn vị chỉ rà soát, đối chiếu, cập nhật, bổ sung nội dung có thay đổi, còn thiếu hoặc chưa kiểm chứng; không yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức kê khai lại những thông tin đã đầy đủ, chính xác; tránh lãng phí thời gian và nguồn lực.

3. Dữ liệu phải có căn cứ, có kiểm chứng

Thông nhất kỳ thống kê khối lượng công việc là 12 tháng, tính từ ngày 01/10/2025 đến hết ngày 30/9/2026; thời điểm chốt số liệu nhân lực hiện có là ngày 30/9/2026. Mỗi bản ghi dữ liệu phải thể hiện rõ mã tham chiếu, nguồn gốc tài liệu, phạm vi nhiệm vụ, trạng thái kiểm chứng và người chịu trách nhiệm xác nhận; trường hợp chưa có mã chính thức thì sử dụng mã tạm theo quy tắc thống nhất của tỉnh. Cơ quan, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, xác nhận nhiệm vụ, sản phẩm, khối lượng và thời gian thực hiện; bộ phận tổ chức cán bộ kiểm tra, xác nhận vị trí việc làm, nhân lực và biên chế. Dữ liệu chưa được kiểm chứng phải ghi rõ và tuyệt đối không được sử dụng làm căn cứ để đề xuất tăng biên chế. Việc thu thập, kết nối, khai thác dữ liệu phải thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ nghiêm ngặt quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác và an toàn thông tin cá nhân.

4. Xác định nhu cầu nhân lực theo tính chất công việc

Áp dụng phương pháp 1 (theo cơ cấu tổ chức, chức danh, định mức lao động); Phương pháp 2 (theo khối lượng công việc và thời gian hao phí thực tế); Phương pháp 3 (theo kết quả sản phẩm, độ phức tạp và trách nhiệm công việc). Tuyệt đối không áp dụng một danh mục, một định mức cứng nhắc, cào bằng cho mọi cơ quan, đơn vị, địa bàn; đối với công việc tham mưu chiến lược, nghiên cứu lý luận, thẩm tra, giám sát và phục vụ các cơ quan lãnh đạo phải tính đầy đủ đến yêu cầu tiến độ khẩn trương, trách nhiệm chính trị đối với sản phẩm, nhiệm vụ đột xuất phát sinh,

các đợt công việc cao điểm và yêu cầu duy trì năng lực chuyên môn thường xuyên, không áp dụng cơ học định mức như việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thông thường; không áp dụng máy móc định mức biên chế hoặc tỷ lệ tinh giản bình quân; chỉ tính toán tác động thực tế của chuyển đổi số, cơ chế tự chủ, thuê dịch vụ và xã hội hóa khi có đầy đủ bằng chứng, sản phẩm cụ thể chứng minh.

5. Không tự động đề xuất tăng biên chế, quản lý chặt chẽ tổng thể biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương

Kết quả xác định nhu cầu nhân lực không tự động quy đổi thành chỉ tiêu biên chế đề xuất tăng thêm; phải đối chiếu chặt chẽ nhu cầu với số người hiện có, biên chế được giao, cơ cấu ngạch, trình độ chuyên môn, năng lực thực tế, phân bổ nội bộ và khả năng cân đối nguồn kinh phí để xác định chính xác nơi thừa, nơi thiếu, nơi bố trí chưa phù hợp; không lấy chênh lệch số người hoặc biên chế hiện có làm căn cứ duy nhất để đề xuất điều chỉnh. Ưu tiên bố trí lại, điều chuyển, đào tạo, sàng lọc, kiêm nhiệm, sử dụng chung nhân lực và đổi mới phương thức thực hiện nhiệm vụ; điều chuyển biên chế từ nơi giảm chức năng, nhiệm vụ, sử dụng biên chế chưa hiệu quả sang nơi thực sự cần thiết; trường hợp đề xuất tăng biên chế phải có căn cứ kiểm chứng, đúng thẩm quyền và bảo đảm kiểm soát tổng biên chế; phân loại rõ người đáp ứng ngay, người cần bồi dưỡng, người cần đào tạo lại hoặc bố trí công việc khác theo quy định. Kết quả rà soát không tự làm phát sinh quyền hưởng hoặc thay đổi tiền lương, phụ cấp khi chưa có quy định mới.

6. Phân định rõ trách nhiệm

Phân định rõ ràng nhiệm vụ theo trục dọc (Trung ương - tỉnh - xã) và trục ngang (giữa các cơ quan, đơn vị cùng cấp); xác định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và người chịu trách nhiệm cuối cùng; khắc phục triệt để tình trạng giao thoa, chồng chéo, đùn đẩy, bỏ sót hoặc trùng lặp công việc. Làm rõ những nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền nhưng chưa đồng bộ về quy trình, thủ tục, thẩm quyền, nguồn lực thực hiện; gắn việc phân cấp, ủy quyền với năng lực thực thi, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm. Phân định rành mạch giữa các công việc thuộc chức năng bắt buộc của khu vực công phải trực tiếp đảm nhiệm với các phần việc có thể thực hiện đặt hàng, đấu thầu, thuê dịch vụ bên ngoài, giao quyền tự chủ hoặc đẩy mạnh xã hội hóa. Các cơ quan cấp tỉnh phải kê khai đầy đủ, trung thực phần việc còn lại sau khi đã phân cấp về cơ sở (nhiệm vụ xây dựng cơ chế chính sách, hướng dẫn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra và hậu kiểm).

7. Triển khai đồng thời các nhiệm vụ

Nơi đủ dữ liệu triển khai ngay; không chờ hoàn thiện toàn bộ hệ thống định mức, tiêu chuẩn, công cụ định lượng mới triển khai các nhiệm vụ cấp thiết trước mắt. Những nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện về mặt phương pháp, định mức, tiêu chuẩn thì thực hiện theo lộ trình kế hoạch, tuyệt đối không để làm chậm tiến độ chung của toàn tỉnh. Những vấn đề phát sinh mới, vượt thẩm quyền hoặc chưa đủ căn cứ quy định phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo, không được tự ý giải quyết sai quy định.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Quán triệt, tập huấn

Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức quán triệt, tập huấn lại cho cán bộ trực tiếp thực hiện ở cấp tỉnh, cấp xã; cung cấp đầy đủ tài liệu của Trung ương (Hướng dẫn, phụ lục, bộ biểu bản 30.000 dòng, tài liệu hướng dẫn điền biểu, Hướng dẫn chuẩn nhập dữ liệu, cẩm nang) và hướng dẫn đầu việc cho từng khối, mẫu báo cáo tiến độ của tỉnh.

2. Rà soát hệ thống văn bản về vị trí việc làm của tỉnh

Rà soát toàn diện các quyết định về danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và định mức nhân lực đã ban hành trên địa bàn tỉnh (trong đó có danh mục vị trí việc làm khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành ngày 13/4/2026 và các quyết định phê duyệt vị trí việc làm khối chính quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh); lập danh mục các văn bản tiếp tục áp dụng, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

Đồng thời đối chiếu chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, quy chế làm việc, phân cấp, phân quyền để xác định nhiệm vụ tiếp tục thực hiện, mới tiếp nhận, đã chuyển giao, chấm dứt hoặc còn chồng chéo. Đơn vị mới thành lập, sáp nhập hoặc tiếp nhận nhiệm vụ trong kỳ phải ghi rõ thời gian hoạt động, nguồn dữ liệu bàn giao; không nhân cơ học số liệu ngắn kỳ thành 12 tháng; không lấy lý do đang sắp xếp để chậm tiến độ.

3. Chuẩn bị dữ liệu dùng chung

Bộ mã cơ quan, quy tắc đặt mã tạm thời; phát hành và quản lý thống nhất một phiên bản bộ biểu chuẩn (phiên bản 30.000 dòng) phục vụ rà soát, kê khai chung cho toàn tỉnh.

Thực hiện nghiêm túc thứ tự các bước và chuẩn hóa nhập dữ liệu theo đúng hướng dẫn của Tổ Công tác Trung ương; thống nhất phân vùng 69 xã, phường trong tỉnh theo 04 nhóm địa bàn đặc thù.

Cơ quan đầu mối có trách nhiệm nhập sẵn các dữ liệu kế thừa đã được phê duyệt, dữ liệu danh mục vị trí việc làm sẵn có vào bộ biểu trước khi chuyển giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và các sở chuyên ngành xây dựng danh mục các nhiệm vụ, công việc, sản phẩm phổ biến, ưu tiên đặc thù cho cấp xã; các sở chuyên ngành cung cấp danh mục sản phẩm, thời gian tham chiếu định mức (nếu có) thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để cơ sở vận dụng thống nhất.

4. Kiểm thử tại đơn vị và triển khai đồng bộ

Lựa chọn các cơ quan, đơn vị đại diện có khối lượng công việc lớn, đơn vị có tính chất công việc đặc thù và xã, phường đại diện để thực hiện chạy thử đầy đủ quy trình 08 bước; kiểm tra tính tương thích, phù hợp của cách kê khai, mã hóa dữ liệu, các phương pháp xác định nhu cầu nhân lực và việc liên kết, tổng hợp số liệu

trong bộ biểu; kịp thời ghi nhận các lỗi kỹ thuật, khó khăn, vướng mắc phát sinh để báo cáo Trung ương và hướng dẫn thống nhất trên toàn tỉnh.

Dự kiến các cơ quan, đơn vị làm điểm, gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (lựa chọn 01 tổ chức chính trị - xã hội); Sở Nội vụ; phường Hà Huy Tập; Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh; Trường Đại học Hà Tĩnh.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan thống nhất phạm vi, thiết lập đầu mối hỗ trợ, phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp theo dõi, hỗ trợ các đơn vị làm điểm; tổng hợp kết quả, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh và Ban Tổ chức Trung ương những nội dung vượt thẩm quyền.

Các đơn vị làm điểm khẩn trương hoàn thành việc chạy thử trước ngày 28/10/2026; gửi bộ biểu thử nghiệm, báo cáo kết quả kèm danh mục lỗi, vướng mắc và đề xuất xử lý về Ban Tổ chức Tỉnh ủy, đồng gửi Sở Nội vụ đối với đơn vị thuộc khối chính quyền. Kết quả làm điểm được sử dụng để rút kinh nghiệm, bổ sung hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai; không tự điều chỉnh phương pháp, định mức hoặc biểu mẫu của Trung ương.

5. Rà soát, kê khai, xác định nhu cầu nhân lực và phương án biên chế

Thực hiện theo 08 bước của Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW; rà soát danh mục, bản mô tả, khung năng lực, cơ cấu ngạch theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW. Đối với địa phương, phân tích tác động của 04 nhóm yếu tố (địa giới hành chính; quy mô, trình độ phát triển; mức độ phân cấp, phân quyền; khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, tự chủ, xã hội hóa) và đặc điểm nhóm địa bàn. Cơ quan đang sắp xếp, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo quy định còn hiệu lực, ghi rõ phần chuyển giao và cập nhật khi có quy định mới.

6. Kiểm tra, xác nhận, tổng hợp

Kiểm tra nguồn, kỳ số liệu; kiểm tra chéo, xử lý trùng lặp (nhất là người kiêm nhiệm công tác đảng, nhiều khối; nhân lực ngành dọc chỉ dùng để đối chiếu), chênh lệch bất thường giữa các đơn vị tương đồng; tổng hợp đầy đủ nhiệm vụ chuyên môn và công tác đảng chuyên trách, kiêm nhiệm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác nhận trước khi gửi Ban Tổ chức Trung ương; việc tổng hợp không làm thay đổi thẩm quyền giao, quản lý biên chế.

7. Lập danh mục bất cập

Rà soát, lập danh mục các nhiệm vụ chồng chéo, thủ tục bất hợp lý, dữ liệu chưa liên thông, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, kèm đề xuất xử lý, cơ quan chịu trách nhiệm và thời hạn; kiến nghị Trung ương những nội dung vượt thẩm quyền.

8. Xác định nhu cầu nhân lực, xây dựng phương án biên chế 2027-2031 gắn với sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ

Trên cơ sở kết quả rà soát vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực, xây dựng phương án biên chế từng năm giai đoạn 2027 - 2031, giải trình cụ thể nhu cầu tăng,

giảm và khả năng bố trí, sử dụng nhân lực; đồng thời điều tiết cán bộ, công chức cấp xã từ nơi thừa sang nơi thiếu; tăng cường cán bộ cấp tỉnh về xã thiếu nhân lực ở ngành, lĩnh vực đặc thù theo phân cấp quản lý; hoàn thành việc điều tiết nhân sự trong tháng 11/2026 theo Công văn số 750-CV/TU, ngày 09/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

9. Đưa nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, xác định nhu cầu nhân lực và xây dựng phương án biên chế vào danh mục sản phẩm quý IV/2026

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và tất cả cá nhân liên quan (người đứng đầu cấp ủy, chính quyền; cán bộ được giao nhiệm vụ đầu mối; các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, Tổ giúp việc; các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo địa bàn cấp xã) nghiêm túc bổ sung nhiệm vụ này vào danh mục sản phẩm, công việc trọng tâm quý IV/2026 theo Công văn số 746-CV/TU, ngày 07/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đối với cá nhân đăng ký tại Mẫu 06A, 06B; đối với cấp xã bổ sung trực tiếp vào chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác quý IV), gắn với sản phẩm đầu ra và mốc thời gian hoàn thành cụ thể theo Kế hoạch này.

Việc đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ căn cứ trực tiếp vào mức độ hoàn thành đúng hạn, tính trung thực, chất lượng dữ liệu được ký duyệt xác nhận và bảng theo dõi tiến độ công khai của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ.

Bắt đầu từ năm 2027, công tác tuyển dụng công chức, viên chức, quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá, sàng lọc và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ bắt buộc phải gắn chặt chẽ với vị trí việc làm; bảo đảm nguyên tắc bố trí đúng người, đúng việc, phù hợp năng lực, sở trường; tiếp tục chuẩn hóa danh mục, mã, bản mô tả, khung năng lực theo hướng dẫn của Trung ương; cập nhật, khai thác dữ liệu thường xuyên; định kỳ rà soát, điều chỉnh biên chế trên cơ sở nhiệm vụ, nhu cầu nhân lực và kết quả sử dụng biên chế (hàng quý trong năm đầu áp dụng).

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Tiến độ thực hiện theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc của tỉnh

Giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc; các thành viên Ban Chỉ đạo chỉ đạo theo lĩnh vực, khối được phân công; kịp thời xử lý hoặc báo cáo xử lý vướng mắc. Tổ giúp việc hướng dẫn, thẩm định, tổng hợp; phân công thành viên theo dõi từng khối, từng cụm xã, phường.

2. Các đồng chí Trưởng đoàn công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các xã, phường

Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các xã, phường thuộc địa bàn phụ trách: chỉ đạo Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường phân

công và triển khai ngay; nắm tiến độ hằng tuần (thời điểm cao điểm: hằng ngày) qua bảng theo dõi của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ; làm việc trực tiếp, chấn chỉnh xã, phường chậm tiến độ, chất lượng thấp; kiểm tra việc người đứng đầu xác nhận dữ liệu và việc phát huy dân chủ, lấy ý kiến cán bộ; chỉ đạo gắn với điều tiết nhân sự cấp xã; tổng hợp, phản ánh vướng mắc vượt thẩm quyền về Ban Chỉ đạo; cho ý kiến về kết quả thực hiện của các xã, phường phụ trách khi đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ quý IV, năm 2026. Thành viên đoàn công tác giúp Trưởng đoàn theo dõi, đôn đốc theo phân công.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thành lập Tổ công tác, tổ hỗ trợ kỹ thuật; ban hành hướng dẫn đầu việc cho từng khối, mẫu báo cáo, bảng theo dõi tiến độ; nhập dữ liệu kế thừa, hướng dẫn, kiểm tra khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh và cấp xã; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị làm điểm, tổng hợp kết quả, rút kinh nghiệm và thông báo thống nhất cách xử lý vướng mắc; chủ trì rà soát văn bản về vị trí việc làm thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thẩm định danh mục, khung năng lực, cơ cấu ngạch theo thẩm quyền; tổng hợp toàn tỉnh, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác nhận; theo dõi tiến độ hằng tuần (thời điểm cao điểm: hằng ngày), báo cáo Thường trực Tỉnh ủy; báo cáo Ban Tổ chức Trung ương hằng tháng theo Phụ lục VII Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW và theo các mốc.

4. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo khối chính quyền, phân công đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực nội vụ trực tiếp chỉ đạo; giao Sở Nội vụ làm đầu mối: nhập dữ liệu kế thừa vị trí việc làm công chức, viên chức đã phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp khối Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát văn bản về vị trí việc làm thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu điều tiết nhân sự cấp xã. Giao các sở chuyên ngành lập danh mục nhiệm vụ, sản phẩm phổ biến ở cấp xã thuộc lĩnh vực quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận số liệu khối chính quyền trước khi chuyển Ban Tổ chức Tỉnh ủy; bảo đảm kinh phí, điều kiện thực hiện theo quy định.

5. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

Lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế, Ban Văn hóa - Xã hội và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, kê khai đầy đủ nhiệm vụ đặc thù của Hội đồng nhân dân (kỳ họp, thẩm tra, giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân), gửi kết quả về Sở Nội vụ; phân công tác đảng gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

6. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Trường Chính trị Trần Phú, Báo và phát thanh, Truyền hình tỉnh tổ chức rà soát, kê khai, xác nhận dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo tiến độ, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

7. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh lãnh đạo Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh tỉnh thực hiện rà soát cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

8. Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường chịu sự chỉ đạo, kiểm tra trực tiếp của Trưởng đoàn công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; lãnh đạo rà soát, kê khai đủ 04 khối; đồng chí Bí thư đảng ủy chỉ đạo chung, Chủ tịch ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm khối chính quyền; giao Ban Xây dựng Đảng (khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể) và Phòng Văn hóa - Xã hội (khối chính quyền) làm đầu mối; xác nhận, gửi dữ liệu đúng hạn: khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy; khối chính quyền gửi Sở Nội vụ.

9. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo Báo và phát thanh, Truyền hình tỉnh đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chủ trương, ý nghĩa, yêu cầu của việc hoàn thiện vị trí việc làm; làm rõ kết quả rà soát không tự làm thay đổi tiền lương, chế độ, tạo đồng thuận, ổn định tư tưởng trong cán bộ, đảng viên.

10. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra việc thực hiện khi cần thiết; xem xét trách nhiệm tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định.

11. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp rà soát, tham mưu các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh, chuẩn bị các điều kiện bảo đảm tổ chức các hội nghị.

VI. TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Kết quả thực hiện Kế hoạch là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ quý IV và năm 2026 của tập thể, người đứng đầu, cán bộ được giao đầu mối các cơ quan, đơn vị, xã, phường và các đồng chí Trưởng đoàn công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với địa bàn phụ trách; Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, đề xuất khi đánh giá theo Công văn số 746-CV/TU, ngày 07/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo, phân công cụ thể người, việc, thời hạn, kết quả; ký xác nhận và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của dữ liệu gốc, kết quả xác định nhu cầu nhân lực và phương án biên chế thuộc phạm vi quản lý; kết quả kiểm tra tự động của bộ biểu không thay thế trách nhiệm xác nhận của người đứng đầu.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương chậm tiến độ, kê khai thiếu trung thực, hợp thức hóa hiện trạng hoặc kê khai để tăng biên chế phải làm lại; người đứng đầu bị xem xét trách nhiệm; sản phẩm này trong danh mục quý IV/2026 được đánh giá ở mức không đạt.

- Chế độ báo cáo:

+ Cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước 10 giờ thứ Năm hằng tuần (thời điểm cao điểm từ 02/11 đến 10/11 và từ 16/11 đến 20/11/2026: hằng ngày trước 14 giờ).

+ Cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền báo cáo Sở Nội vụ trước 08 giờ thứ Năm hằng tuần (cao điểm: hằng ngày trước 11 giờ); Sở Nội vụ tổng hợp gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước 10 giờ (cao điểm: trước 14 giờ).

Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy trước 16 giờ cùng ngày, nêu rõ đơn vị chậm tiến độ. Đối với các vướng mắc liên quan đến kỹ thuật, các đơn vị báo cáo bộ phận kỹ thuật của Tổ giúp việc để được hỗ trợ hoặc báo cáo Ban Tổ chức Trung ương để được hướng dẫn, xử lý.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (*báo cáo*);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Chỉ đạo;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc;
- HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các cơ quan sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số 139-KH/TU, ngày 25/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Thời hạn	Nội dung	Chủ trì
Trước 26/10/2026	Phân công đầu mối, người phụ trách số liệu tại tất cả cơ quan, đơn vị, địa phương; thành lập Tổ công tác, tổ hỗ trợ kỹ thuật; thống nhất bộ mã; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo khởi chính quyền.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương
Trước 28/10/2026	Bổ sung nhiệm vụ vào danh mục sản phẩm, công việc quý IV/2026 của tập thể, cá nhân liên quan (theo Công văn số 746-CV/TU).	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, tổng hợp
Trước 28/10/2026	Giao bộ biểu đã nhập dữ liệu kế thừa, danh mục sản phẩm mẫu; đơn vị làm điểm chạy thử xong 08 bước, báo cáo vướng mắc.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, các sở chuyên ngành
Trước 05/11/2026	Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi dữ liệu ban đầu (Biểu A1, A2, B1, B2, C1, C2) đã được người đứng đầu xác nhận.	Các cơ quan, đơn vị, xã, phường
Trước 08/11/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận dữ liệu ban đầu khởi chính quyền, chuyển Ban Tổ chức Tỉnh ủy.	Sở Nội vụ
Trước 10/11/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác nhận; gửi bộ dữ liệu ban đầu về Ban Tổ chức Trung ương; phần chưa đủ căn cứ nêu rõ nội dung, nguyên nhân, đầu mối, thời hạn bổ sung.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
10/11 - 15/11/2026	Bổ sung, giải trình, chuẩn hóa dữ liệu theo yêu cầu của Trung ương.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ
Trước 17/11/2026	Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Biểu C3, D1, D2 và phương án biên chế từng năm 2027 - 2031.	Các cơ quan, đơn vị, xã, phường
Trước 18/11/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận nhu cầu nhân lực, phương án biên chế khởi chính quyền, chuyển Ban Tổ chức Tỉnh ủy.	Sở Nội vụ
Trước 20/11/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác nhận; gửi nhu cầu nhân lực, phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 của tỉnh về Ban Tổ chức Trung ương.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
Tháng 12/2026	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu vị trí việc làm của tỉnh và danh mục bất cập theo hướng dẫn của Trung ương; báo cáo kết quả.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ

Các mốc trung gian do tỉnh xác định để bảo đảm thời hạn của Trung ương; trường hợp Trung ương điều chỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu điều chỉnh tương ứng./.